

Số: 227/NQ-HĐND

Tân Uyên, ngày 12 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi và phân bổ
ngân sách địa phương năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
KHÓA III, NHIỆM KỲ 2021-2026**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Văn bản số 343/HĐND-KTNS ngày 27/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc cho ý kiến sử dụng nguồn tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 28/10/2024 của HĐND tỉnh Bình Dương khoá X – kỳ họp thứ 18 (Chuyên đề) về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh Bình Dương về việc bổ sung có mục tiêu năm 2024 (vốn đầu tư) cho các huyện, thành phố có xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023;

Căn cứ Văn bản số 5468/UBND-KT ngày 27/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sử dụng nguồn tăng thu hoạt động xổ số kiến thiết năm 2023,

Căn cứ Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của UBND tỉnh Bình Dương về việc bổ sung có mục tiêu năm 2024 (vốn đầu tư) cho thành phố Tân Uyên;

Căn cứ Văn bản số 3321/STC-QLNS ngày 04/10/2024 của Sở Tài chính về việc thông báo bổ sung có mục tiêu từ nguồn tăng thu hoạt động xổ số kiến thiết năm 2023 cho các thành phố,



Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Tân Uyên về dự toán điều chỉnh thu ngân sách nhà nước; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Qua xem xét Tờ trình số 6193/TTr-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2024 của UBND thành phố Tân Uyên về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024, với các nội dung như sau:

1. Nguyên nhân điều chỉnh:

- Điều chỉnh tăng, giảm các nguồn thu ngân sách nhà nước do HĐND thành phố giao so với dự toán điều chỉnh Tỉnh giao năm 2024.
- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh để thực hiện cân đối ngân sách thành phố với số tiền 38 tỷ đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh để thực hiện đầu tư công các dự án với số tiền 87 tỷ đồng (từ nguồn tăng thu hoạt động xổ số kiến thiết năm 2023 là 81 tỷ đồng; bổ sung có mục tiêu năm 2024 (vốn đầu tư) cho thành phố Tân Uyên là 06 tỷ đồng (tiền thưởng cho xã Bạch Đằng được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về Văn hóa năm 2023 là 03 tỷ đồng; tiền thưởng cho xã Thạnh Hội được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về Giáo dục năm 2023 là 03 tỷ đồng).

2. Điều chỉnh thu – chi ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024

2.1 Dự toán điều chỉnh thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách:

Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước điều chỉnh là 5.539 tỷ đồng, tăng 2% so dự toán điều chỉnh HĐND thành phố thông qua. Trong đó, tổng dự toán thu NSNN trên địa bàn 5.073 tỷ đồng, không tăng giảm so với dự toán điều chỉnh HĐND thành phố thông qua (chỉ thay đổi cơ cấu các nguồn thu). Tổng thu ngân sách địa phương điều chỉnh là 1.995 tỷ đồng, tăng 5% so dự toán điều chỉnh HĐND thành phố thông qua.

Tổng dự toán chi ngân sách địa phương điều chỉnh là 1.995 tỷ đồng, tăng 20% so dự toán điều chỉnh Tỉnh giao, tăng 5% so dự toán điều chỉnh HĐND thành phố thông qua.

Kèm các biểu mẫu theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP, gồm:

- Cân đối ngân sách địa phương năm 2024 Biểu mẫu số 15.
- Dự toán điều chỉnh thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực năm 2024: Biểu mẫu số 16.

- Dự toán điều chỉnh chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi: Biểu mẫu số 17.

2.2 Phân bổ dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương:

- Cân đối nguồn thu, chi dự toán điều chỉnh ngân sách thành phố và ngân sách xã-phường năm 2024: Biểu mẫu số 30.

- Dự toán điều chỉnh thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố theo lĩnh vực năm 2024: Biểu mẫu số 32.

- Dự toán điều chỉnh chi ngân sách trên địa bàn thành phố theo cơ cấu chi năm 2024: Biểu mẫu số 33.

- Dự toán điều chỉnh chi ngân sách thành phố theo lĩnh vực năm 2024: Biểu mẫu số 34.

- Dự toán điều chỉnh chi đầu tư phát triển của ngân sách thành phố cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm 2024: Biểu mẫu số 36.

- Dự toán điều chỉnh chi thường xuyên của ngân sách thành phố cho từng cơ quan, đơn vị, các xã-phường theo lĩnh vực năm 2024: Biểu mẫu số 37.

- Dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách địa phương và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới năm 2024: Biểu mẫu số 39.

- Dự toán điều chỉnh chi ngân sách địa phương cho từng xã-phường năm 2024: Biểu mẫu số 41.

- Dự toán điều chỉnh bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách từng xã-phường năm 2024: Biểu mẫu số 42.

Điều 2. Giao UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết nêu trên đảm bảo các quy định hiện hành.

Điều 3. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Tân Uyên khóa III thông qua bằng hình thức lấy phiếu biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh (ứng cử ở Tân Uyên);
- Sở Tư pháp; TT Công báo tỉnh;
- Thường trực Thành Ủy;
- TT HĐND, UBND thành phố;
- UBNDTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, ban, ngành thành phố;
- Thường trực HĐND các xã – phường;
- Niêm yết;
- CSDL;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Trí

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	DTĐC năm 2024 (Nghị quyết số 137/NQ- HĐND)	Ước thực hiện 10 tháng năm 2024	Dự toán điều chỉnh năm 2024	So sánh (*)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-1	5=3/1
A	<u>Tổng nguồn thu ngân sách địa phương</u>	<u>1.900.355</u>	<u>1.624.098</u>	<u>1.994.814</u>	<u>94.459</u>	<u>105%</u>
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.559.577	1.283.320	1.529.310	-30.267	98%
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	300.877	304.403	322.218	21.341	107%
2	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	1.258.700	978.917	1.207.092	-51.608	96%
3	Số giảm nguồn thu NSDP được đưa vào cân đối thu - chi do Trung ương giao phải để dành nguồn CCTL					
II	Thu bổ sung từ NS cấp trên	9.480	9.480	134.206	124.726	1416%
III	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư	1.000	1.000	1.000	0	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	330.298	330.298	330.298	0	
B	<u>Tổng chi NS địa phương</u>	<u>1.899.355</u>	<u>895.366</u>	<u>1.994.814</u>	<u>95.459</u>	<u>105%</u>
I	Tổng chi cân đối NSDP	1.376.204	895.366	1.556.366	180.162	113%
1	Chi đầu tư phát triển	297.490	249.438	358.449	60.959	120%
2	Chi thường xuyên	1.053.630	645.928	1.160.695	107.065	110%
3	Chi trả nợ các khoản do chính quyền địa phương vay				0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ TC				0	
5	Dự phòng ngân sách	25.084	0	37.222	12.138	148%
II	Chi tạo nguồn CCTL	293.100	0	271.773	-21.327	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	230.051	0	166.675	-63.376	
C	<u>Bổ sung cân đối thu, chi NSDP từ nguồn CCTL năm 2018</u>				0	
D	<u>Bội chi NSDP/Bội thu NSDP</u>	<u>1.000</u>	<u>728.732</u>	<u>0</u>	<u>-1.000</u>	

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

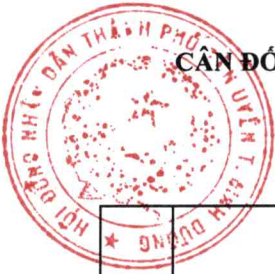
STT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh năm 2024 (Nghị quyết số 137/NQ-HĐND)		Dự toán điều chỉnh năm 2024		So sánh	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	TỔNG THU NSNN	5.413.828	2.126.328	5.538.555	2.385.441	102%	112%
I	Thu nội địa	5.073.051	1.785.551	5.073.051	1.919.937	100%	108%
<u>1</u>	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	<u>2.300.000</u>	<u>0</u>	<u>2.153.446</u>	<u>0</u>	<u>94%</u>	
	- Thuế giá trị gia tăng	483.000		460.000			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.476.000		1.450.000			
	- Thuế TTĐB	340.000		243.000			
	- Thuế tài nguyên	1.000		446			
<u>2</u>	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	<u>1.676.100</u>	<u>821.100</u>	<u>1.676.100</u>	<u>821.100</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>
	- Thuế giá trị gia tăng	795.000	490.000	850.000	510.000		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	870.000	320.000	815.000	300.000		
	- Thuế TTĐB	11.000	11.000	11.000	11.000		
	- Thuế tài nguyên	100	100	100	100		
<u>3</u>	Lệ phí trước bạ	<u>161.977</u>	<u>161.977</u>	<u>180.000</u>	<u>180.000</u>	<u>111%</u>	<u>111%</u>
<u>4</u>	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
<u>5</u>	Thuế nhà đất, thuế SD đất phi nông nghiệp	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>	<u>17.172</u>	<u>17.172</u>	<u>172%</u>	<u>172%</u>
<u>6</u>	Thuế thu nhập	<u>230.000</u>	<u>175.000</u>	<u>237.000</u>	<u>175.000</u>	<u>103%</u>	<u>100%</u>
<u>7</u>	Thuế bảo vệ môi trường						
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa SX, KD trong nước						
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
<u>8</u>	Phí và lệ phí	<u>64.000</u>	<u>32.000</u>	<u>64.000</u>	<u>32.000</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>
	- Phí và lệ phí trung ương	32.000		32.000			
	- Phí và lệ phí địa phương	32.000	32.000	32.000	32.000		
<u>9</u>	Thuế chuyển quyền sử dụng đất						
<u>10</u>	Tiền sử dụng đất	<u>441.474</u>	<u>441.474</u>	<u>550.965</u>	<u>550.965</u>	<u>125%</u>	<u>125%</u>
<u>11</u>	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	<u>43.000</u>	<u>40.000</u>	<u>43.000</u>	<u>40.000</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>
<u>12</u>	Thu tiền bán tài sản nhà nước						
<u>13</u>	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
<u>14</u>	Thu khác ngân sách	<u>140.500</u>	<u>100.500</u>	<u>140.200</u>	<u>100.200</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>
<u>15</u>	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	<u>6.000</u>	<u>3.500</u>	<u>11.168</u>	<u>3.500</u>		
<u>16</u>	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế						
<u>17</u>	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế VAT hàng NK do Hải Quan thu						
IV	Thu viện trợ						



**DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán điều chỉnh năm 2024 (Nghị quyết số 137/NQ- HĐND)	Dự toán điều chỉnh năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	2	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	1.899.355	1.994.814	95.459	105%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	1.669.304	1.828.139	158.835	110%
I	Chi đầu tư phát triển	297.490	358.449	60.959	120%
1	Chi đầu tư cho các dự án	290.490	351.449	60.959	121%
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>				
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	33.559	38.706	5.147	
-	Chi khoa học và công nghệ	0	0		
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền SD đất			0	
-	Chi đầu tư từ thu XSKT			0	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức KT, các tổ chức TC của ĐP theo quy định của pháp luật			0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	7.000	7.000	0	
II	Chi thường xuyên	1.053.630	1.160.695	107.065	110%
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	399.381	455.794	56.413	114%
2	Chi khoa học và công nghệ	2.812	2.812	0	100%
III	Chi trả nợ lãi do chính quyền ĐP vay				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
V	Dự phòng ngân sách	25.084	37.222	12.138	
VI	Chi tạo nguồn CCTL	293.100	271.773		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	230.051	166.675		



**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ VÀ
NGÂN SÁCH XÃ-PHƯỜNG NĂM 2024**

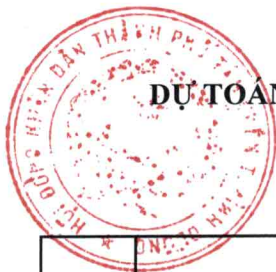
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh năm 2024 (Nghị quyết số 137/NQ- HĐND)	Ước thực hiện 10 tháng năm 2024	Dự toán điều chỉnh năm 2024	So sánh (*)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	3	2	3	4=3-1	5=3/1
A	<u>NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</u>					
I	Nguồn thu ngân sách	1.789.570	1.506.208	1.876.282	86.712	105%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.542.748	1.259.386	1.504.734	-38.014	98%
2	Thu bổ sung từ NS cấp trên	9.480	9.480	134.206	124.726	1416%
3	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính					
4	Thu kết dư	1.000	1.000	1.000	0	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	236.342	236.342	236.342	0	
II	Chi ngân sách	1.534.380	588.731	1.615.389	81.009	105%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp thành phố	1.043.848	399.986	1.118.154	74.306	107%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	254.190	188.745	260.893	6.703	103%
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	236.342	0	236.342	0	
III	<u>Bổ sung cân đối thu chi NSĐP từ nguồn CCTL</u>					
IV	Bội chi NSĐP/Bội thu NSĐP					
B	<u>NGÂN SÁCH XÃ-PHƯỜNG</u>					
I	Nguồn thu ngân sách	364.975	306.635	379.425	14.450	104%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	16.829	23.934	24.576	7.747	146%
2	Thu bổ sung từ NS cấp trên	254.190	188.745	260.893	6.703	103%
3	Thu kết dư	0	0	0	0	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	93.956	93.956	93.956	0	
II	Chi ngân sách	364.975	306.635	379.425	14.450	104%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	284.411	306.635	298.861	14.450	105%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới				0	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	80.564	0	80.564	0	

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	I. Thu nội địa	Bao gồm								9. Thu tiền sử dụng đất	10. Thu khác ngân sách
				1. Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	2. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3. Thuế trước bạ	4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	5. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6. Thuế thu nhập	7. Phí-lệ phí	8. Thu tiền thuê đất		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	5.073.051	5.073.051	2.153.446	1.676.100	180.000	-	17.172	237.000	64.000	43.000	550.965	151.368
I	Khối thành phố	5.028.808	5.028.808	2.153.446	1.676.100	165.758	-	-	237.000	61.051	43.000	550.965	141.488
II	Khối xã - phường	44.243	44.243	-	-	14.242	-	17.172	-	2.949	-	-	9.880
1	Phường Uyên Hưng	7.888	7.888			2.600		3.831		402			1.055
2	Xã Bạch Đằng	701	701			300		155		36			210
3	Phường Khánh Bình	5.713	5.713			1.400		2.176		342			1.795
4	Phường Thạnh Phước	1.340	1.340			242		500		108			490
5	Phường Thái Hòa	4.575	4.575			950		2.285		245			1.095
6	Phường Tân Phước Khánh	3.723	3.723			800		1.771		407			745
7	Phường Tân Vĩnh Hiệp	1.969	1.969			600		355		274			740
8	Phường Phú Chánh	2.094	2.094			800		486		138			670
9	Phường Vĩnh Tân	7.922	7.922			4.000		2.985		267			670
10	Phường Hội Nghĩa	3.088	3.088			800		995		263			1.030
11	Phường Tân Hiệp	4.769	4.769			1.500		1.591		438			1.240
12	Xã Thạnh Hội	461	461			250		42		29			140

**DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp thành phố	Ngân sách xã-phường
A	B	1	2	3
	<u>TỔNG CHI NSĐP</u>	<u>1.994.814</u>	<u>1.343.616</u>	<u>379.425</u>
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	1.828.139	1.264.705	291.661
I	Chi đầu tư phát triển	358.449	328.168	30.281
1	Chi đầu tư cho các dự án	351.449	321.168	30.281
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	38.706	38.706	
	Chi khoa học và công nghệ	0		
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			
	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền SD đất	0		
	Chi đầu tư từ thu XSKT	0		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức KT, các tổ chức TC của ĐP theo quy định của pháp luật	0		
3	Chi đầu tư phát triển khác	7.000	7.000	
II	Chi thường xuyên	1.160.695	904.598	256.097
	Trong đó			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	455.794	455.794	
2	Chi khoa học và công nghệ	2.812	2.812	
III	Chi trả nợ lãi do chính quyền ĐP vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng ngân sách	37.222	31.939	5.283
VI	Chi tạo nguồn CCTL	271.773	0	0
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	166.675	78.911	87.764

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI NS THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

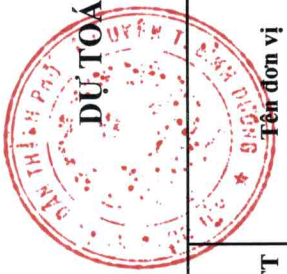
Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG CHI	Dự toán điều chỉnh
A	B	1
	TỔNG CHI NSĐP	1.950.231
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	260.893
	- Chi đầu tư	30.281
	- Chi thường xuyên	230.612
B	CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC	1.522.663
I	Chi đầu tư phát triển (2)	328.168
1	Chi đầu tư cho các dự án	321.168
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	38.706
b	Chi khoa học và công nghệ	
c	Chi quốc phòng	
d	Chi an ninh	
đ	Chi SN y tế, dân số và gia đình	0
e	Chi SN văn hóa thông tin	12.557
g	Chi SN phát thanh, truyền hình	
h	Chi SN thể dục thể thao	
i	Chi SN bảo vệ môi trường	2.780
k	Chi SN kinh tế	208.692
l	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	58.433
m	Chi đảm bảo XH	
n	Chi khác	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức KT, các tổ chức TC của ĐP theo quy định của pháp luật	
3	Chi đầu tư phát triển khác	7.000
II	Chi thường xuyên	890.782
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	455.794
b	Chi khoa học và công nghệ	2.812
c	Chi quốc phòng	17.708
d	Chi an ninh	14.297
đ	Chi SN y tế, dân số và gia đình	61.205
e	Chi SN văn hóa thông tin	26.556
g	Chi SN phát thanh, truyền hình	2.548
h	Chi SN thể dục thể thao	3.744
i	Chi SN bảo vệ môi trường	51.281
k	Chi SN kinh tế	78.997
l	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	104.979
m	Chi đảm bảo XH	44.654
n	Chi khác	26.207
o	Tạm ứng ngoài NS	0
III	Chi trả nợ lãi do chính quyền ĐP vay	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
V	Dự phòng	31.940
VI	Chi tạo nguồn CCTL	271.773
VII	Chi đầu tư XD CB từ nguồn vốn ODA do Trung ương bổ sung	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	166.675

[illegible]

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Giáo dục - Đào tạo & Đạy nghề	Khoa học Công nghệ	Quốc phòng	An ninh trật tự an toàn xã hội	Y tế, Dân số và Gia đình	Văn hoá thông tin	Thể dục thể thao	Phát thành truyền hình	Hoạt động Bảo vệ môi trường	Hoạt động Kinh tế khác	Giao thông	Nông lâm nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản	Quản lý Nhà nước - Đoàn thể	Đảm bảo xã hội
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
V	Khối Đơn vị sự nghiệp	552.196	448.264	-	-	-	61.205	26.556	3.744	2.548	208	-	-	9.671	-	-
24	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	4.011												4.011		
25	Trạm Chăn nuôi & Thú Y	2.539												2.539		
26	Trạm thủy nông	172												172		
27	Hạt Kiểm Lâm Tân Uyên - Phú Giáo	2.949												2.949		
28	Sự nghiệp Mầm non	62.271	62.271													
29	Sự nghiệp Tiểu học	227.187	227.187													
30	Sự nghiệp Trung học cơ sở	141.857	141.857													
31	Trung tâm GDNN-GDTX	6.925	6.925													
32	Trung tâm chính trị	10.024	10.024													
33	Trung tâm Y tế	41.205					41.205									
34	Bảo hiểm xã hội	20.000					20.000									
35	TT Văn hóa Thể thao và Truyền Thanh	28.714						22.214	3.744	2.548	208					
36	Nhà thiếu nhi	4.342						4.342								
VI	An ninh-Quốc phòng	32.005	-	-	17.708	14.297	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
38	Công an	14.297				14.297										
39	Ban chỉ huy quân sự	17.708			17.708											
B	Khối xã - phường	279.167	-	-	31.452	40.649	378	1.600	1.860	-	2.040	684	1.700	960	191.404	6.440
1	UBND Phường Uyên Hưng	26.513			2.899	3.960	38	100	150		170	36	150	80	18.281	649
2	UBND Xã Bạch Đằng	21.257			2.534	2.548	32	200	170		170	108	100	80	14.739	576
3	UBND Phường Khánh Bình	24.971			2.743	4.211	38	100	150		170	36	150	80	16.903	390
4	UBND Phường Thanh Phước	19.208			2.295	2.511	22	100	170		170	0	150	80	13.209	501
5	UBND Phường Thái Hòa	26.828			3.087	4.718	43	200	150		170	0	150	80	17.576	654
6	UBND Phường Tân Phước Khánh	29.416			3.078	4.552	43	100	150		170	72	150	80	19.832	1.189
7	UBND Phường Tân Vĩnh Hiệp	21.717			2.443	3.294	27	200	150		170	108	150	80	14.574	521
8	UBND Phường Phú Chánh	21.376			2.367	2.825	22	200	150		170	0	150	80	15.064	348
9	UBND Phường Vĩnh Tân	24.932			2.579	3.695	32	100	150		170	72	150	80	17.430	474
10	UBND Phường Hội Nghĩa	22.302			2.590	2.877	27	100	150		170	72	150	80	15.715	371
11	UBND Phường Tân Hiệp	22.792			2.586	3.738	32	100	150		170	108	150	80	15.237	441
12	UBND Xã Thanh Hội	17.855			2.251	1.720	22	100	170		170	72	100	80	12.844	326



Biểu mẫu số 39

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN
CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NĂM 2024**

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn (TTTKC)	Thu chuyển nguồn (CCTL)	Tổng chi cân đối NSDP
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia					
					Tổng số	Trong đó: Phần NSDP được hưởng				
A	B	1=2+6-7+8	2=3+4	4	5	3	6	7	8	9
	Khối xã - phường	379.425	24.576	3.129	3.129	21.447	260.893	8.923	85.033	379.425
1	Phường Uyên Hưng			564		4.406	31.393	1.278	6.608	44.249
2	Xã Bạch Đằng			62		390	19.065	588	9.486	29.591
3	Phường Khánh Bình			316		2.731	19.677	909	11.551	35.185
4	Phường Thạnh Phước			58		650	16.825	695	8.273	26.501
5	Phường Thái Hòa			219		2.630	22.158	1.031	7.326	33.364
6	Phường Tân Phước Khánh			207		2.136	27.676	913	7.324	38.255
7	Phường Tân Vĩnh Hiệp			135		745	19.336	262	2.593	23.071
8	Phường Phú Chánh			173		731	25.420	343	4.493	31.160
9	Phường Vĩnh Tân			816		3.340	19.138	758	6.839	30.892
10	Phường Hội Nghĩa			193		1.285	17.826	1.707	8.662	29.672
11	Phường Tân Hiệp			335		2.196	23.823	439	5.944	32.737
12	Xã Thạnh Hội			51		207	18.556	0	5.934	24.748

**DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ-PHƯỜNG NĂM 2024**

ĐTV : Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	Tổng cộng	260.893	30.281	230.612	-
1	UBND Phường Uyên Hưng	31.393	12.628	18.765	
2	UBND Xã Bạch Đằng	19.065	0	19.065	
3	UBND Phường Khánh Bình	19.677	0	19.677	
4	UBND Phường Thạnh Phước	16.825	0	16.825	
5	UBND Phường Thái Hòa	22.158	726	21.432	
6	UBND Phường Tân Phước Khánh	27.676	2.920	24.756	
7	UBND Phường Tân Vĩnh Hiệp	19.336	0	19.336	
8	UBND Phường Phú Chánh	25.420	6.425	18.995	
9	UBND Phường Vĩnh Tân	19.138	511	18.627	
10	UBND Phường Hội Nghĩa	17.826	0	17.826	
11	UBND Phường Tân Hiệp	23.823	5.250	18.573	
12	UBND Xã Thạnh Hội	18.556	1.821	16.735	

